

Số: 112/2024/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 10 tháng 07 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 289/2024/TLST- DS ngày 14/6/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1980; Trú tại: Số X, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1983; Trú tại: Số Z, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Phạm Công T2**, sinh năm 1961; Trú tại: Số B, khu phố Y, phường P, thành phố P, tỉnh Bến Tre

+ Ông **Đỗ Kế M**, sinh năm 1959; bà **Đoàn Thị Kim M1**, sinh năm 1963; Cùng trú tại: Số B, khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Ông **Nguyễn Văn D**; sinh năm 1969; Trú tại: Số F, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của ông T2, ông D: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tuyên bố hợp đồng ủy quyền công chứng số 1790, quyển số 01/2023TP/CC-CSS/HĐGD ngày 14/3/2023 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân giữa bà Trần Thị Mỹ L với bà Nguyễn Thị T1 vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 3642, quyển số 01/2023TP/CC-CSS/HĐGD ngày 15/5/2023 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân giữa bà Trần Thị Mỹ L (do bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Cường đại diện ủy quyền) với ông Đỗ Kế M đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 2249, quyển số 03/2023TP/CC-CSS/HĐGD ngày 25/7/2023 tại Văn phòng Công chứng Kim Cương giữa ông Đỗ Kế M, bà Đoàn Thị Kim M1 với ông Phạm Công T2 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vô hiệu.

- Bà Trần Thị Mỹ L được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 2.207,2m² thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cùng tài sản trên đất. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.207,2m² thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre từ ông Phạm Công T2 sang cho bà Trần Thị Mỹ L đứng tên. Bà Trần Thị Mỹ L liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.207,2m² thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định pháp luật.

- Bà Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; ghi nhận bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

- Bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Kế M, bà Đoàn Thị Kim M1 số tiền 880.000.000 đồng (Bao gồm tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 80.000.000 đồng).

- Ông Đỗ Kế M, bà Đoàn Thị Kim M1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Công T2 số tiền 880.000.000 đồng (Bao gồm tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 80.000.000 đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 552.000 (Năm trăm năm mươi hai ngàn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Ông Đỗ Kế M và bà Đoàn Thị Kim M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu số tiền là 22.200.000 (Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

+ Ông Đỗ Kế M và bà Đoàn Thị Kim M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

+ Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0002037 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

+ Hoàn trả lại cho ông Phạm Công T2 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000291 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền